

## CHỮ HIẾU MỘT VỊ VUA

Giáo sư **Nguyễn Phú Thứ**  
bút hiệu **Hàn Lâm**

(tiếp Theo)

Vì thế, Ông bị nịnh thần dèm xiểm, nên bị giáng chức nặng-nề, làm phận sự một người quét dọn bàn ghế tại tỉnh đường Quảng-Nam và nhà vua cũng bãi bỏ cuộc ngự du Quảng-Nam. Tuy nhiên, Ông không than van, đến khi vua hiểu được lòng của Ông, thì được bổ nhậm chức Đô-Sát Viện Ngự-Sử, Sung Cơ Mật-Viện Đại-Thần. Đến năm 1843 thuộc vua Thiệu-Trị thứ 3, có một luồng khí bạch vất ngang trời, vua xuống chiếu cầu lời trực ngôn, Ông dâng sớ chỉ trích khéo vua và tố cáo sự thối-nát hành-chánh địa-phương, đồng thời Ông đề-nghị biện-pháp cải-thiện, Ông được vua Thiệu-Trị khen ngợi. Vua Tự-Đức lên ngôi bổ Ông làm Thượng-Thư Bộ-Lại, đến năm Tự-Đức thứ hai, Ông được cử làm Giảng Quan ở tòa Kinh-Diên mới thiết-lập và hai năm sau được cử Ông làm Phó Sứ Lãnh-Tuần Phủ Gia-Định kiêm chức Lãnh Đốc các đạo Vĩnh-Long và Định-Tường, Biên Hoà, An-Giang và Hà-Tiên (Trong khi Ông Nguyễn-Tri-Phương làm Nam Kỳ Kinh Lược Chánh Sứ). Trong chức vụ này, Ông lúc nào cũng nghĩ đến ích nước lợi dân, nên Ông lại dâng sớ điều-trần để cải-tổ, được vua chấp thuận và khen-ngợi. Năm 1853, Ông được gọi về triều để lãnh chức Hiệp-Biện Đại-Học Sĩ Lãnh Thượng Thư Bộ Binh. Tháng chạp năm 1856 thuộc Tự-Đức thứ 9, Ông được cử Tổng-Tài Quốc-Sử để soạn bộ Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục. Nước Pháp và Tây Ban Nha liên minh đánh Việt-Nam, gồm 14 chiếc thuyền chở 3000 quân dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly, ngày 24-7 năm Mậu Ngọ 1858 đến đánh Đà-Nẵng, triều đình cử Ông Nguyễn-Tri-Phương chống giữ, quân giặc thấy khó chiếm, bèn bỏ ý định đánh Huế, quay vào Gia-Định năm 1959 để đánh chiếm thành Gia-Định sau hai ngày giao tranh, chiếm được hơn 80.000 ký thuốc súng, 200 khẩu đại bác và một số tiền điều rất lớn. Các quan bày tỏ lập-trường về việc chiến hay thủ, Ông dâng sớ bàn đại lược như sau: "Thiên hạ đất rộng, công việc rất nhiều, ở chỗ việc nhiều, cai trị chỗ đất rộng, cốt làm cho yên mà thôi. Theo sức người mà dạy, không khó nhọc mà thành công, noi phép mà cai trị, quan lại quen mà dân yên, cho nên lợi không gấp trăm thì không đổi phép, công mà không gấp mưu thì không đổi đồ dùng.

Làm cái kế ngày nay cốt nhứt nuôi dân chăm cày cấy, nuôi lính đủ ăn, lưu ý như thế thì sức dân được thư thả mà quân có chỗ dạy, sức đất không bỏ phí mà lương có chỗ ra, quân giỏi, lương đủ thì như nước chảy cuộn cuộn không hết, thì hoặc đánh hoặc giữ, không việc gì là không nên, đối với việc dân yên nước thịnh, may ra bổ ích đôi chút ..." Vua Tự-Đức khen rằng: "Lời nói đều có cốt yếu, bọn tân tiến không thể ví nổi, chỉ nên thực lòng cố sức giúp trăm, đời sau chắc có tiếng khen". Kế đến: Ngày 25-2-1861 thành đồn Kỳ-Hòa (Chí-Hòa) thất thủ em Ông Nguyễn-Tri-Phương là Nguyễn-Duy tử trận, ông Phạm-Thế-Hiện bị thương nặng mấy hôm sau thì chết, riêng Ông Nguyễn-Tri-Phương cũng bị thương phải bỏ đồn rút quân về Biên-Hòa. Ngày 12-4-1861 Page hạ thành Mỹ-Tho; ngày 9-9-1861 Đề Đốc Bonard thay Charner chiếm thành Biên-Hòa và ngày 28-3-1862 Bonard chiếm thành Vĩnh-Long. Trước tình thế nguy-ngập, vua Tự-Đức cử Ông và Ông Lâm-Duy-Hiệp vào Nam-Kỳ để thương-thuyết hầu tìm cách cứu vãn tình thế, cuộc thương-thuyết diễn ra tại Sài-Gòn, có Đô-Đốc Bonard đại-diện quân Pháp và tướng Palanca đại-diện Tây-Ban-Nha. Kết-quả, bắt buộc phải ký hòa-ước vào ngày 5-6 dl năm 1862 nhằm ngày 9 tháng 5 âm lịch năm Nhâm-Tuất, quân giặc ở thế thượng phong, gồm 12 khoản, trong đó những khoản làm cho dân-tộc chúng ta khổ tâm như :

Khoản 3: Nhường cho Pháp các tỉnh: Biên-Hòa, Định-Tường, Gia-Định và đảo Côn-Nôn. Người Pháp được đi lại trên sông ngòi Nam-Kỳ.

Khoản 5: Người Pháp và người Tây-Ban-Nha (Y-Pha-Nho) được buôn bán ở Đà-Nẵng, Đà-Lạt và Quảng-Yên.

Khoản 8: Nước Đại-Nam tức Việt-Nam phải trả 4 triệu đồng chiến phí trong hạn 10 năm...

Hòa-ước Nhâm-Tuất ký xong, vua Tự-Đức và các triều không hài lòng và chủ trương: "Việc nhường đất, bồi tiền như thế không hợp lý, nhưng các điều ước mới định mà cãi nghị ngay thì họ sẽ không đồng ý". Ngoài ra, vua Tự-Đức không bắt tội Ông Phan-Thanh-Giản mà còn cử Ông làm Tổng-Đốc Vĩnh-Long để từ từ thương chước để chuộc lại làm trước kia. Tháng 11-1862 Ông Phan-Thanh-Giản yêu cầu Pháp trả lại Vĩnh-Long, nhưng Pháp cho hay, chỉ trả lại khi nào Ông Quân-Cơ Trương-Định thôi đánh Pháp. (Bởi vì, khoảng thời gian trước và sau khi ký hòa-ước Nhâm-Tuất cho đến mất trọn 6 tỉnh thuộc Nam Kỳ, các sĩ phu và dân chúng thuộc 6 tỉnh (Nam Kỳ) rất uất hận nổi lên chống cự giặc ngoại xâm, dầu biết võ khí thô sơ nhưng với lòng yêu nước nồng nàn cao độ họ đã làm cho quân Pháp điên đảo, trong số những người cầm đầu lúc bấy giờ có các Ông: Trương-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Nguyễn-Hữu-Huân (Thủ-Khoa-Huân), Võ-Duy-Dương tức Thiên-Hộ-Dương, Đức Cố Quán Trần-Văn-Thành .v.v.).

Sau đó, đề cử sứ bộ sang Pháp và Tây Ban Nha để xin chuộc lại gồm có: Chánh sứ toàn quyền Ông Phan-Thanh-Giản, Phó sứ là hai Ông Phạm-Phú-Thứ và Ngụy-Khắc-Đản, còn Ông Trương-Vĩnh-Ký làm thông ngôn. Để người Pháp giúp phương tiện cho sứ bộ, triều đình Huế lấy cớ là để đáp lễ Pháp Hoàng đã phái

người đến chúc mừng vua Tự-Đức nhân dịp kỷ hòa-ước 1862. Người Pháp bằng lòng cho mượn tàu Européen và cử Aubaret, Rieunier đi theo hướng dẫn, nhưng phía Việt-Nam phải trả mọi phí tổn. Sau 2 tháng 7 ngày trên tàu, phái đoàn mới đến nước Pháp, được đón rước rất trọng thể và mãi đến ngày 7-11-1863 được vào bệ kiến vua Napoléon Đệ Tam tại điện Tuileries theo nghi lễ ngoại giao thật long trọng. Ít hôm sau, bộ ngoại giao Pháp mời sứ bộ tới và hứa sẽ nghiên-cứu rồi sửa đổi lại hòa-ước 1862 và sẽ ký một hòa-ước mới. Ông Phan-Thanh-Giản tuyên-bố đại lược rằng: "Sứ bộ Việt-Nam xin chuộc 3 tỉnh Miền Đông và Việt-Nam sẽ trả mỗi năm 2 hay 3 triệu hoặc 40 triệu một lần. Người Pháp có quyền cư trú tại 3 hải cảng để tự do buôn bán, đồng thời Việt-Nam nhượng cho Pháp hải cảng Sài-Gòn" Chánh Phủ Pháp chấp-thuận soạn thảo hòa-ước mới để thay thế hòa-ước 1862 trước kia, đồng thời trao cho sứ bộ Việt-Nam trước khi lên đường sang Tây-Ban-Nha. Bởi vì, nước Pháp lúc đó đã thâm lũng 972 triệu quan Pháp, nên vua Napoléon lần Tổng-Trưởng Tài-Chánh đều chủ trương trao lại đất cho Việt-Nam để lấy tiền. Do vậy, sứ bộ do Ông Phan-Thanh-Giản thành-công, còn được đưa đi xem các nơi tại Pháp và Tây-Ban-Nha rất văn-minh của xứ người. Ngày 24-3-1864, sứ bộ về đến Sài-Gòn. Vua Tự-Đức và triều thần đều vui mừng. Vua Tự-Đức bèn phong Ông làm Thượng Thơ Bộ Lại như cũ. Nhưng thực tế, triều đình Huế đã mừng hụt, vì phe thực-dân đã vận-động để chống lại việc cho chuộc đất, đứng đầu là các nhân vật thuộc bộ hải-quân và thuộc địa như: Chasseloup Laubat, Bonard, De La Grandière ...vì thế vua Napoléon đổi ý không cho chuộc lại đất. Tháng 2-1865, Aubaret tới Huế cho hay không có hòa-ước mới và yêu cầu vua Tự-Đức cho trả tiền chiến phí, đồng thời phải cam nghĩa-sĩ chống Pháp. Như thế, việc chuộc đất hoàn-toàn thất bại vì kẻ mạnh trở mặt, muốn thế nào cũng được, làm cho Ông Phan-Thanh-Giản lại bị vua Tự-Đức tức giận cách lưu. Đây là lần Ông bị giáng chức thứ sáu, tội nghiệp cho Ông lúc này đã 70 tuổi. Sau đó, dã tâm của giặc Pháp càng ngày càng rõ rệt là muốn nuốt trọn Nam Kỳ lúc bấy giờ có 6 Tỉnh, các lực-lượng nghĩa-sĩ chống giặc ngoại-xâm nổi lên đánh phá khắp nơi. Trước tình thế đó, Vua Tự-Đức lại cử Ông Phan-Thanh-Giản vào Nam, vì nghĩ rằng người Pháp đã biết Ông, với chức Hiệp Biện Đại Học Sĩ Bộ Hộ, Thượng Thơ Sung Kinh Lược Sứ thuộc 3 Tỉnh An-Giang, Vĩnh-Long và Hà-Tiên. Ông xin từ chức vì cơ tuổi già, nhưng không được vua chấp thuận và trước khi đi Ông có tâu rằng: "Chánh sách của Ông là luôn luôn tuân đúng theo hòa-ước". Vua Tự - Đức cũng ngỏ ý: "Muốn hoà-bình cho dân-tộc được yên ổn, nhưng không nên vì lẽ ấy mà khuất-phục tình hình một cách thụ động". Về phía thực-dân Pháp, De La Grandière (De Lagrandière?) đã thảo kế-hoạch đánh chiếm luôn ba tỉnh Miền Tây (Nam Kỳ). Ngày 15-6-1867, De Lagrandière rời Sài-Gòn xuống Vĩnh-Long với 17 chiến hạm và hấn nhờ Cố Dương đưa thơ mời Ông Phan-Thanh-Giản xuống soái hạm để cho biết lý-do động binh của hấn. Ông và Án Sát Võ-Doãn-Thanh cố-gắng thương-thuyết, nhưng bọn thực-dân đã quyết-tâm cướp nước, thì làm sao còn thương thảo được, hai Ông hoãn binh, hứa sẽ nộp thành với điều-kiện yêu

cầu đừng sách nhiễu dân và tiền với lúa trong kho vẫn phải để Việt-Nam nắm giữ. De La Grandière ưng thuận, nhưng khi hai Ông trở về thành vào ngày 20-6-1867, thì thành Vĩnh-Long đã bị quân Pháp chiếm. Sau đó, đến thành An-Giang mất ngày 22-6-1867 và thành Hà-Tiên cũng bị quân Pháp chiếm luôn vào ngày 24-6-1867 (Theo sách Việt-Nam Sử Lược của Ông Trần-Trọng-Kim viết: "Ông Phan-Thanh-Giản bảo các quan đành chịu nộp thành cho khỏi sự tai hại" nhưng không thấy dẫn chứng dựa theo tài-liệu nào? Chỉ thấy trong quyển La Geste Française en Indochine của Cura Taboulet tập 2, trang 518-519, đã dịch ra và in trong quyển quân-sự tập 3 của BTM do Ông Pham-Văn-Sơn biên soạn viết: Ông Phan-Thanh-Giản viết thơ buộc Tổng Đốc An-Giang và Hà-Tiên hạ vũ khí đầu hàng. "Nếu cần xin xem quyển Nguyễn-Đình-Chiếu về tác-giả và tác-phẩm trang 672" ).

Sau đó, Ông Phan-Thanh-Giản lấy tiền lúa nộp một phần cho Pháp để thanh-toán tiền bồi thường năm đó, rồi Ông ra sống tại một ngôi nhà tranh ở ngoài thành Vĩnh-Long. Chính tại nơi đây, Ông quyết-định chấm dứt cuộc đời của Ông. Có lẽ đó là lối thoát duy nhất của Ông sau khi Ông đơn phương nộp thành tri cho Pháp mà không có sự ưng-thuận của triều đình, nhất là trước đó vua Tự-Đức đã đặt hy-vọng bảo-vệ thành trì vào tay Ông. Ông đã hiểu mình phải làm gì, bởi vì thân làm tướng giữ thành mà để mất thành là một trọng tội, cho nên Ông tự xử lấy mình. Ông xếp tất cả áo mũ và các tờ sắc-phong kèm theo tờ sớ chịu tội với triều đình rồi Ông bắt đầu tuyệt thực. Sự tuyệt thực của Ông có ý-nghĩa là một biện pháp "ung dung tựu nghĩa" tức là bình-tĩnh đón nhận cái chết để đạt được nghĩa lớn tức là đền nợ nước. Các con cháu quì lạy khóc lóc nhưng Ông đã quyết không ai ngăn cản được. Ông vẫn bình tĩnh và sáng suốt khuyên con cái lo học-hành, không được làm việc cho Pháp, đồng thời bảo con cháu lo tang ma thật giản dị và Ông tự tay viết di bút để đề mộ bia cho Ông gồm 24 chữ Hán, viết thành 3 hàng được phiên âm như sau :

*"Minh tinh thỉnh tỉnh nhược vô ứng thư,  
Đại-Nam hải nhai lão thư sinh tinh Phan chi cửu.  
Diệc dĩ thử chí mộ".*

nghĩa là: Xin bỏ tám triệu, còn nếu không chịu bỏ thì chỉ nên viết: "Linh cửu của người học trò già họ Phan ở bãi biển nước Đại-Nam" mộ chí cũng đề như thế. Đồng thời Ông làm thơ tuyệt mạng :

*Thời trời, lợi đất, lại người hòa,  
Há dễ ngồi coi phải nói ra.  
Làm trả ơn vua, đền nợ nước,  
Đành cam gánh nặng ruổi đường xa.  
Lên gheh xuống thác thương con trẻ,  
Vượt biển trèo non cam phận già.  
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,  
Nào hay ba tỉnh lại châu ba!*

(còn tiếp)

**Nguyễn Phú Thứ**